

Số:110/2026/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 239/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Như T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố Đà Nẵng.

Số CCCD: 046081008469, cấp ngày 23/03/2022

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Mai T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Đ thôn E, xã K, tỉnh Gia Lai.

Số CCCD: 064181006735, cấp ngày 24/07/2023

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đặng Như T và bà Trần Thị Mai T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về con chung*: Ông Đặng Như T và bà Trần Thị Mai T1 có 02 con chung là cháu Đặng Thùy D, sinh ngày 9/7/2015; Đặng Thùy C, sinh ngày: 07/12/2021.

Khi ly hôn ông Đặng Như T và bà Trần Thị Mai T1 thỏa thuận:

- Giao 02 con chung là cháu Đặng Thùy D, sinh ngày 9/7/2015 (theo nguyện vọng của con); Đặng Thùy C, sinh ngày 07/12/2021 cho bà T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đặng Như T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Thùy D, sinh ngày 9/7/2015; Đặng Thùy C, sinh ngày 07/12/2021 là 1.500.000 đồng/tháng/cháu (3.000.000 đồng/02 cháu), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2026 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

2.2 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Đặng Như T và bà Trần Thị Mai T1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Ông Đặng Như T tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002889 ngày 30/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Đặng Như T đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường Phong Phú, TP . Huế

(GCN số 09/2015 do UBND xã Điện Hòa,

Phong Điền, TTHuế cấp ngày 24/02/2015);

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Thy Thy